

Số: /BC-STP

Đồng Nai, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, trợ giúp xã hội và một số nội dung hỗ trợ cho đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

Theo đề nghị của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Văn bản số 2477/LĐTBOXH-BTXH ngày 25/5/2022 về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, trợ giúp xã hội và một số nội dung hỗ trợ cho đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện chức năng thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi bởi khoản 36 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật). Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo và các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. Hồ sơ thẩm định

Hồ sơ dự thảo gửi thẩm định bao gồm:

1. Dự thảo: Tờ trình, Nghị quyết, Báo cáo đánh giá tác động chính sách.
2. Bản tổng hợp, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị.
3. Văn bản số 114/HĐND-VP ngày 08/3/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất đề nghị xây dựng Nghị quyết.

II. Nội dung thẩm định

1. Sự cần thiết ban hành; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết

Để đảm bảo mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội phù hợp theo quy định và tình hình thực tế của địa phương, tạo điều kiện cho các nhóm đối tượng yếu thế ổn định cuộc sống, giảm bớt khó khăn, nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần, an sinh xã hội, việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Nghị quyết nêu trên là cần thiết.

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng đề nghị nghiên cứu theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại khoản 3.1 mục II báo cáo này.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội quy định:

“2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 là 360.000 đồng/tháng. Tùy theo khả năng cân đối của ngân sách, tốc độ tăng giá tiêu dùng và tình hình đời sống của đối tượng bảo trợ xã hội, cơ quan có thẩm quyền xem xét, *điều chỉnh tăng mức chuẩn trợ giúp xã hội cho phù hợp*; bảo đảm tương quan chính sách đối với các đối tượng khác.

3. Tùy thuộc điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định:

a) *Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bảo đảm không thấp hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này;*

b) *Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội.”*

Căn cứ khoản 3 Điều 6 Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP (được đính chính) quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: *“Căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bằng hoặc cao hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ; xem xét, quyết định đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội, trong đó có đối tượng người khuyết tật là thể hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.”*

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung) việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết nêu trên là cần thiết và phù hợp về thẩm quyền theo quy định.

3. Sự phù hợp về nội dung và ngôn ngữ trình bày của dự thảo theo quy định pháp luật

3.1. Đối với dự thảo Nghị quyết

a) Tại trích yếu nội dung dự thảo, đề nghị rà soát, xác định đảm bảo phù hợp với nội dung điều chỉnh cũng như thẩm quyền được giao tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP và Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH, cụ thể:

“Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và đối tượng khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”

b) Tại Điều 1

- Tại khoản 1, đề nghị chỉnh sửa và trình bày lại thống nhất với nội dung trích yếu theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

- Tại khoản 2.1, đề nghị trình bày đối tượng “*các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh*” thành một khoản riêng.

- Tại khoản 2.2 và điểm a đề nghị sửa lại tiêu đề cho phù hợp như sau:

“Các đối tượng khó khăn khác”

Về các đối tượng khó khăn khác, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát kỹ các đối tượng tránh trùng lặp với đối tượng đã được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. Đồng thời, xác định đối tượng phù hợp để được nhận trợ giúp xã hội cũng như tránh bỏ sót các đối tượng yếu thế chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

Đồng thời, đề nghị bỏ đoạn “Các đối tượng quy định tại khoản 2.2 khoản 2 Điều này được hưởng đầy đủ các chính sách đối với đối tượng bảo trợ theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP”, đề nghị bố cục nội dung áp dụng chính sách cho phù hợp, không trình bày trong nội dung đối tượng áp dụng.

- Căn cứ khoản 3 Điều 6 Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: “... *xem xét, quyết định đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội, trong đó có đối tượng người khuyết tật là thể hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học*”. Theo đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung đối tượng này vào trong đối tượng khó khăn hưởng trợ giúp xã hội. Việc cơ quan soạn thảo giải trình là “*các đối tượng này nếu bị di chứng ... sẽ được xác định mức độ khuyết tật là người khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng nên sẽ được hưởng trợ cấp xã hội tương ứng theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP*”. Trong trường hợp các đối tượng này bị di chứng nhẹ hơn hoặc không được công nhận là khuyết tật nặng, đặc biệt nặng thì các đối tượng này sẽ hỗ trợ như thế nào. Để đảm bảo tính nhân văn, nhân đạo trong chính sách của tỉnh cũng như theo chủ trương của Chính phủ, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung đối tượng này vào dự thảo Nghị quyết.

- Tại khoản 2.3, đề nghị xem xét bỏ cụm từ “*Hỗ trợ chi phí thuê*” vì đây là nội dung chính sách, không phải là đối tượng áp dụng. Đồng thời, để đảm bảo phù hợp về đối tượng và nội dung quy định mức chuẩn trợ giúp và mức trợ giúp xã hội theo đúng tinh thần được giao tại Nghị định và Thông tư, đề nghị cơ quan soạn thảo cần xác định cho phù hợp, tránh trường hợp nội dung Nghị quyết rơi vào trường hợp quy định chính sách đặc thù thuộc khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, có đánh giá trước đây việc thuê người chăm sóc đối tượng này thì thực hiện như thế nào.

- Đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu ý kiến phản biện của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tại Báo cáo số 571/BC-MTTQ-BTT ngày

09/5/2022 để có báo cáo, giải trình cụ thể các nội dung phản biện trước khi tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Tại Điều 2

- Đề nghị rà soát, xác định lại tiêu đề cho phù hợp với nội dung điều chỉnh cũng như phù hợp về thẩm quyền được giao theo quy định.

- Về hệ số mức chuẩn trợ giúp xã hội của các đối tượng khó khăn theo khoản 2.2 Điều 1 dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo phối hợp Sở Tài chính và các ngành liên quan rà soát, cân đối ngân sách đảm bảo mức hỗ trợ phù hợp, tương xứng cho từng đối tượng.

Ngoài ra, để đảm bảo đầy đủ hơn về cơ sở đề xuất đối tượng khó khăn, mức trợ giúp xã hội tại dự thảo là phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đề nghị cơ quan soạn thảo đánh giá thêm mức hỗ trợ của các tỉnh lân cận tương đồng như thế nào, để giúp đại biểu HĐND tỉnh có thêm nhiều thông tin để quyết định (nội dung này phù hợp trình bày tại Tờ trình).

- Về mức chi thuê người chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội thuộc Trung tâm công tác xã hội, đề nghị nghiên cứu ý kiến của Sở Tư pháp nêu trên để giải trình, làm rõ.

d) Đề nghị thống nhất bố cục trình bày theo Điều, khoản, điểm. Đối với các văn bản được viện dẫn, đề nghị trình bày đầy đủ số ký hiệu, thời gian, cơ quan ban hành, trích yếu nội dung trong lần viện dẫn đầu tiên; đối với các lần viện dẫn tiếp theo chỉ trình bày số, ký hiệu.

3.2. Đối với dự thảo Tờ trình

a) Trên cơ sở ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, hoàn chỉnh lại nội dung Tờ trình.

b) Tại sự cần thiết ban hành, đề nghị có đánh giá cụ thể hơn kết quả thực hiện mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua, làm rõ sự cần thiết bổ sung đối tượng khó khăn khác cần trợ giúp xã hội... làm cơ sở đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

c) Tại hồ sơ kèm theo Tờ trình, đề nghị đảm bảo theo khoản 1 Điều 122 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung). Đồng thời, rà soát các văn bản không cần thiết đưa vào kèm theo Tờ trình (*Tờ trình, báo cáo của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; các Nghị định, Thông tư có liên quan*).

3.3. Đối với Báo cáo đánh giá tác động chính sách

Đề nghị cơ quan soạn thảo bám sát mẫu số 1 phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP để hoàn thiện tiêu đề, bố cục trình bày nội dung báo cáo đánh giá tác động chính sách, cụ thể:

a) Tại trích yếu nội dung, chỉnh sửa và trình bày như sau:

“BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH
Đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ
giúp xã hội và đối tượng khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”

b) Tại mục II, về đánh giá tác động của chính sách, đề nghị rà soát, xác định chính sách đảm bảo phù hợp theo nội dung điều chỉnh, cụ thể trong các chính sách dự thảo trình bày còn thiếu chính sách quy định mức trợ giúp xã hội (bao gồm mức trợ giúp và đối tượng khó khăn được hưởng), đề nghị bổ sung hoàn chỉnh.

Đối với chính sách Hỗ trợ chi phí thuê người chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội, đề nghị nghiên cứu ý kiến của Sở Tư pháp tại dự thảo Nghị quyết để đảm bảo phù hợp về thẩm quyền được giao theo quy định.

* Về việc thực hiện đánh giá tác động của chính sách, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xây dựng nội dung cho đảm bảo phù hợp: đối với mỗi chính sách, cơ quan soạn thảo cần xác định các giải pháp lựa chọn chính sách, để từ đó đánh giá ưu, nhược điểm cụ thể, làm cơ sở lựa chọn giải pháp tối ưu, đề xuất trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Ví dụ cụ thể: đối với chính sách mức chuẩn trợ giúp xã hội, cơ quan soạn thảo sẽ xác định 02 giải pháp lựa chọn: thứ nhất là đề xuất áp dụng mức chuẩn theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP là 360.000 đồng/tháng; thứ 2 là đề xuất áp dụng mức chuẩn là 400.000 đồng/tháng. Từ 02 giải pháp đó sẽ phân tích, kiến nghị lựa chọn giải pháp tối ưu nhất để thực hiện chính sách.

c) Tại mục IV về giám sát, đánh giá, đề nghị bổ sung trách nhiệm giám sát của “Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên”.

d) Đề nghị cơ quan soạn thảo lưu ý thống nhất trình bày theo bố cục đề, mục khoản, điểm; thống nhất trình bày đầy đủ cụm từ “Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân” trong toàn bộ nội dung dự thảo.

e) Trên cơ sở ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, hoàn chỉnh lại nội dung Tờ trình

III. Kết luận

Trên cơ sở ý kiến thẩm định, Sở Tư pháp kết luận như sau:

1. Dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, trợ giúp xã hội và một số nội dung hỗ trợ cho đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đảm bảo phù hợp về thẩm quyền, đủ điều kiện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý hoàn thiện dự thảo theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp. Đối với các ý kiến không tiếp thu phải được giải trình rõ lý do, hoàn thiện dự thảo văn bản trước khi tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là Báo cáo thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, trợ giúp xã hội và một số nội dung hỗ trợ cho đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Sở Tư pháp đề nghị Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nghiên cứu, hoàn chỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Ban Văn hóa – Xã hội HĐND tỉnh;
 - Văn phòng UBND tỉnh;
 - Giám đốc Sở; các PGĐ Sở;
 - Lưu: VT, XDPBPL.
- (Hai – TĐ2022)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Quang Tuấn